

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2024/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 13 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định tiêu chí ưu tiên thu hút dự án đầu tư
vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 722/TTr-SKHĐT ngày 23 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư, lĩnh vực hạn chế thu hút đầu tư, lĩnh vực không thu hút đầu tư, các tiêu chí ưu tiên thu hút dự án đầu tư, điều kiện ưu tiên và cách tính điểm để lựa chọn các dự án đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư (bao gồm: Dự án đầu tư thành lập mới các cơ sở sản xuất, kinh doanh có sử dụng đất trong các khu cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre (kể cả các dự án đầu tư mở rộng) không thông qua hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư hoặc đấu giá quyền sử dụng đất; dự án đầu tư đã được Quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có đề nghị điều chỉnh nội dung dự án đầu tư) vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Nguyên tắc ưu tiên thu hút đầu tư

Bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng về lựa chọn, thu hút dự án đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư, lĩnh vực hạn chế thu hút đầu tư, lĩnh vực không thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh

1. Lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư

Các lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre bao gồm:

a) Dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Dự án thuộc ngành điện tử, cơ khí chế tạo, các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao theo danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo quy định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

c) Dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất vật liệu mới, môi trường và tiết kiệm năng lượng, sản xuất ô tô và phụ tùng ô tô, ngành máy cơ khí nông nghiệp, chế tạo công cụ, máy móc, phụ tùng, thiết bị cho những loại máy móc khác, công nghiệp phụ trợ năng lượng tái tạo.

d) Dự án thuộc lĩnh vực dịch vụ logistics.

đ) Các dự án chế biến sản phẩm giá trị gia tăng cao từ nông - thủy sản theo chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh; ưu tiên các dự án chế biến sản phẩm phục vụ xuất khẩu.

e) Các dự án sản xuất, chế biến dược phẩm và vật tư y tế tiêu hao, thiết bị y tế.

g) Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học; vật liệu xây dựng mới; chế biến thực phẩm; linh kiện nhựa; chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; dịch vụ nông nghiệp.

2. Lĩnh vực hạn chế thu hút đầu tư

Nhóm dự án hạn chế thu hút đầu tư: dự án sản xuất hóa chất; dự án sản xuất bao bì công nghiệp từ giấy vụn; dự án có công đoạn xi mạ; dự án sản xuất hóa chất bảo vệ thực vật (có phát sinh nước thải công nghiệp); dự án sản xuất phân bón (có phát sinh nước thải công nghiệp); dự án sản xuất sơn, phụ gia, chất tẩy rửa công nghiệp; dự án giấy dếp, may mặc.

3. Lĩnh vực không thu hút đầu tư

a) Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực thuộc da, dệt, nhuộm.

b) Dự án sản xuất xi măng, bột giấy.

c) Dự án sản xuất, tái chế nhựa từ nguyên liệu rác thải nhựa.

d) Dự án nhiệt điện từ nguyên liệu than đá hoặc nguồn gốc than đá chiếm tỷ lệ trên 50%; sản xuất thép (trừ dự án sản xuất thép chất lượng cao).

đ) Các dự án có công nghệ lạc hậu.

Điều 4. Các tiêu chí lựa chọn dự án đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre theo thứ tự ưu tiên

1. Sử dụng công nghệ

Ưu tiên dự án đầu tư sử dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch; các dự án có công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và được khuyến khích phát triển theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; có giải pháp chuyển giao công nghệ, có hợp đồng chuyển giao công nghệ; dự án thân thiện với môi trường, có giải pháp bảo vệ môi trường bền vững; sử dụng công nghệ ít thâm dụng đất, nước, xả thải ít và tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

2. Năng lực kinh nghiệm, chuyên môn

Ưu tiên lựa chọn nhà đầu tư đã thành lập doanh nghiệp hoặc cam kết thành lập doanh nghiệp tại tỉnh, đã có kinh nghiệm thực hiện ít nhất một (01) dự án tương tự với dự án đăng ký đầu tư. Việc xem xét năng lực kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện trên cơ sở báo cáo giải trình về năng lực kinh nghiệm, chuyên môn của nhà đầu tư (kèm các tài liệu chứng minh).

3. Quy định về suất đầu tư

Các dự án đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh phải đáp ứng tiêu chí về suất đầu tư theo quy định của Bộ Xây dựng được áp dụng tại thời điểm đăng ký đầu tư và theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp có nhiều nhà đầu tư cùng quan tâm vào 01 vị trí đất trong các khu, cụm công nghiệp thì ưu tiên xem xét dự án có suất đầu tư cao hơn (VND/m²).

4. Liên kết chuỗi giá trị

Ưu tiên các dự án đầu tư có phương án liên kết với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh để sử dụng nguồn nguyên liệu địa phương, xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm địa phương. Ưu tiên các dự án có sản phẩm tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

5. Sử dụng lao động

Ưu tiên các dự án ít thâm dụng lao động; các dự án có liên kết, hợp tác với các đối tác ở địa phương để đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật của người lao động.

6. Phương án đầu tư xây dựng

Ưu tiên cho các dự án sử dụng ít đất và có phương án thiết kế xây dựng cao tầng theo chiều cao tối đa cho phép theo quy hoạch.

7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư

Thời hạn hoàn thành và đi vào sản xuất kinh doanh không quá 02 (hai) năm kể từ ngày nhận mặt bằng (bao gồm dự án có nhiều giai đoạn xây dựng trên cùng diện tích đất thuê). Ưu tiên lựa chọn nhà đầu tư có cam kết tiến độ chi tiết triển khai dự án.

8. Nhà đầu tư không vi phạm quy định của pháp luật, đặc biệt là quy định về đất đai, môi trường.

Điều 5. Điều kiện ưu tiên đối các với dự án đang hoạt động hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bến Tre

1. Trường hợp các nhà đầu tư đã có dự án đang hoạt động trong các Khu, cụm công nghiệp hiện tại của tỉnh hoặc bên ngoài khu, cụm công nghiệp mà việc sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, đảm bảo môi trường, đóng góp lớn cho phát

triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hoặc các dự án đầu tư cộng sinh như cung cấp đầu vào, nguyên liệu cho các dự án khác hay dự án liên kết chuỗi giá trị, tạo được chuỗi kinh tế tuần hoàn... có nhu cầu mở rộng sản xuất thì sẽ xem xét theo từng dự án cụ thể để hỗ trợ doanh nghiệp triển khai mở rộng thực hiện dự án.

2. Trường hợp đặc biệt phải xem xét đối với những dự án (nhà đầu tư) không thuộc đối tượng của khung tiêu chí này, nhưng qua thẩm tra, dự án sẽ đóng góp có hiệu quả cho việc phát triển kinh tế, đóng góp cho ngân sách và thực hiện các hoạt động xã hội..., cho địa phương rất lớn thì Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp xin ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi xem xét quyết định.

Điều 6. Cách tính điểm để lựa chọn dự án đầu tư vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp

1. Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thông qua phương pháp chấm điểm để chọn nhà đầu tư theo Phụ lục đính kèm.

2. Trường hợp có hai nhà đầu tư trở lên có cùng điểm số thì lựa chọn nhà đầu tư đạt số điểm cao nhất ở các tiêu chí theo thứ tự ưu tiên:

- a) Sử dụng công nghệ.
- b) Năng lực, kinh nghiệm.
- c) Liên kết chuỗi giá trị.
- d) Có đóng góp vào ngân sách tỉnh cao nhất sau thời gian ưu đãi thuế.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

- Chủ trì thẩm định, lựa chọn các dự án đầu tư vào các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh trước khi cấp Quyết định chủ trương/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng lựa chọn dự án đầu tư vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Quyết định này (trong đó Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng).

- Chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, đánh giá việc thực hiện và định kỳ 6 tháng, cả năm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp

- Chủ trì thẩm định, lựa chọn dự án đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh trước khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Chủ trì, chịu trách nhiệm thẩm định về suất đầu tư và phương án đầu tư xây dựng của các dự án đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị có liên quan triển khai có hiệu quả Phương án phát triển cụm công nghiệp, các ngành công nghiệp trong Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Sở Xây dựng: Chủ trì, chịu trách nhiệm thẩm định về suất đầu tư và phương án đầu tư xây dựng của các dự án đầu tư vào các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, chịu trách nhiệm thẩm định các nội dung có liên quan đến đất đai, môi trường của các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo quy định.

6. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thẩm định, có ý kiến, kiểm tra, giám sát về công nghệ của dự án đầu tư theo quy định.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Đề xuất cơ chế, chính sách đào tạo lao động chất lượng cao để phục vụ cho các dự án đầu tư cần lao động có trình độ.

8. Sở Tài chính: Chủ trì, chịu trách nhiệm thẩm định về năng lực tài chính của các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

9. Các sở, ban, ngành tỉnh: Phối hợp rà soát quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực có liên quan ảnh hưởng đến các dự án đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Phối hợp tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến dự án đầu tư; hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình đăng ký đầu tư và thực hiện dự án; phối hợp trong việc thẩm định, lựa chọn nhà đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch tại địa phương. Phối hợp tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến dự án đầu tư; hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình đăng ký đầu tư và thực hiện dự án; phối hợp trong việc thẩm định, lựa chọn nhà đầu tư vào các cụm công nghiệp tại địa phương. Phối hợp quản lý các dự án đầu tư trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác đền bù, giải phóng mặt bằng trong các cụm công nghiệp để nhanh chóng bàn giao đất sạch cho nhà đầu tư sau cấp phép.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp; Thủ

trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quyết định này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng quy định tại văn bản mới.

3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế (Bộ Kế hoạch và Đầu tư);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PTTH (đưa tin);
- Phòng: KT, TCĐT, KGVX, TTTTĐT;
- Lưu: VT, ĐTL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Tam



Phụ lục
TIÊU CHÍ VÀ BẢNG TÍNH ĐIỂM LỰA CHỌN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
VÀO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE
(Kèm theo Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

TT	Nội dung đánh giá	Điểm
I	Dự án ưu tiên thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp (được xét, và được cộng 10 điểm trên tổng điểm tại mục IV, nhưng tổng điểm tối đa là 100 điểm)	+10
II	Dự án thuộc danh mục hạn chế thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp (được xét, nhưng trừ 10 điểm trên tổng điểm tại mục IV)	-10
III	Dự án thuộc danh mục không thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp (loại, không xét)	0
IV	Tiêu chí xét chọn	
4.1	Sử dụng công nghệ	15
1	Sử dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch	5
2	Sử dụng công nghệ ít thâm dụng đất, nước, xả thải ít và thân thiện với môi trường	5
3	Sử dụng công nghệ tạo ra sản phẩm giá trị gia tăng cao	5
4.2	Năng lực kinh nghiệm	30
1	Đã có kinh nghiệm thực hiện ít nhất một (01) dự án tương tự	10
2	Có báo cáo tài chính 2 năm gần nhất có lãi	5
3	Có đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật có kinh nghiệm	5
4	Nhà đầu tư không vi phạm quy định của pháp luật, đặc biệt là về đất đai, môi trường	5
5	Tiến độ thực hiện các dự án đầu tư đã có đảm bảo theo đúng cam kết	5
4.3	Suất đầu tư	15
1	Đáp ứng tiêu chí về suất đầu tư theo quy định của Bộ Xây dựng	5

2	Có kế hoạch huy động, bố trí vốn khả thi, phù hợp tiến độ đầu tư	5
3	Có các cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ hoặc cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của chủ đầu tư	5
4.4	<i>Liên kết chuỗi giá trị</i>	10
1	Sử dụng nguyên liệu tại địa phương (tối thiểu 80%)	5
2	Có phương án hợp tác đầu vào/đầu ra với doanh nghiệp, HTX trên địa bàn	5
4.5	<i>Sử dụng lao động</i>	15
1	Sử dụng ít thâm dụng lao động	5
2	Sử dụng lao động địa phương (tối thiểu 70%)	10
4.6	<i>Phương án đầu tư xây dựng</i>	15
1	Có phương án đầu tư xây dựng có tính khả thi và phù hợp thực tế	5
2	Sử dụng ít đất và có phương án thiết kế xây dựng cao tầng theo chiều cao tối đa cho phép	5
3	Có phương án quản lý bảo vệ môi trường khả thi, trong đó có bố trí cán bộ quản lý có chuyên môn phù hợp, kinh nghiệm quản lý môi trường	5
	Tổng (I+II+III+IV)	100

Nhà đầu tư có số điểm từ 50 điểm trở lên được xem xét, trường hợp có nhiều nhà đầu tư sẽ chọn nhà đầu tư có số điểm cao hơn để quyết định giao làm chủ đầu tư dự án.